

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 337/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2019

V/v Ly hôn giữa chị T và anh T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thanh Sơn

Bà Mai Hồng Thắm

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 119/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 101/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị N T T T, sinh ngày 08-5-1987 (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ 10, ấp V P, xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang.

2.Bị đơn: Anh L C T, sinh ngày 16-7-1986 (vắng mặt)
ĐKKHKT: Tổ 16, ấp V T, xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang.
Tạm trú: Số 286, ấp V R, xã S X, huyện H Đ, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, tờ tự khai ngày 11-3-2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị N T T T trình bày:

+Về hôn nhân: Chị và anh L C T do quen biết, tìm hiểu nhau, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2007. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang số 31/KH Quyền số 01/2008 ngày 14-5-2008. Sau khi

cưới vợ chồng chung sống bên chồng, đến năm 2010 vợ chồng về sống bên vợ. Vợ chồng sống hạnh phúc được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, trong xử lý chuyện gia đình nên vợ chồng luôn bất hòa, thường hay cãi vã, gia đình không êm ấm. Từ tháng 3/2017 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin ly hôn với anh L C T.

+Về con chung: Có 01 con chung tên L N A T, sinh ngày 15-12-2009, hiện chị đang nuôi. Nếu ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con.

+Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

+Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30-7-2019, bị đơn anh L C T trình bày:

+Về hôn nhân: Anh và chị N T T T do quen biết thời học phổ thông, tìm hiểu nhau khoảng 3 năm, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2007. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang số 31/KH Quyền số 01/2008 ngày 14-5-2008. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bên chồng, đến năm 2010 vợ chồng về sống bên vợ. Vợ chồng sống hạnh phúc được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2011 vợ chồng lên tỉnh Bình Dương sinh sống, sau đó phát sinh có mâu thuẫn do anh ghen vợ đi làm về trễ. Năm 2012, anh về quê sinh sống và đi học trồng trọt tại tỉnh An Giang. Năm 2015, vợ mới về quê sinh sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ tháng 02/2019 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn, anh nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị T, anh xin có thời gian hòa giải đoàn tụ.

+Về con chung: Có 01 con chung tên L N A T, sinh ngày 15-12-2009, hiện chị T đang nuôi. Nếu ly hôn anh cũng có yêu cầu được nuôi con.

+Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

+Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13-6-2019, bà N T B trình bày: Bà là mẹ ruột của chị N T T T. T – T sau khi cưới về sống bên chồng khoảng 2 năm sau thì về nhà bà sinh sống khoảng 8 năm. Giữa T – T không có xảy ra mâu thuẫn gì, chỉ là 2 đứa ít nói chuyện với nhau. T đi làm công ty điều đi tỉnh khác về nhà vợ chồng sinh hoạt bình thường. Bà có yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13-6-2019, cháu L N A T trình bày: Cháu tên L N A T, sinh ngày 15-12-2009, hiện đang sống với mẹ, Cháu được đi học, cháu học xong lớp 4, tựu trường vào lớp 5 trường Tiểu học B V H, xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang. Cha cháu đang sống tại tỉnh Kiên Giang. Có con nên cha mẹ ít cự cãi nhau. Cháu không muốn cha mẹ cháu ly hôn. Nếu cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:

1/Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

2/Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với bị đơn anh L C T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định Đưa vụ án ra xét xử, Quyết định Hoãn phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với bị đơn anh T.

[2] *Về hôn nhân:* Chị N T T T và anh L C T kết hôn vào năm 2007. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang số 31/KH Quyền số 01/2008 ngày 14-5-2008 theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Chị T có yêu cầu ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải để hàn gắn lại tình cảm giữa chị T và anh T nhưng anh T không tham gia hòa giải. Tại biên bản lấy lời khai ngày 30-7-2019, anh T trình bày nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị T, anh T xin có thời gian hòa giải đoàn tụ. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa để chị T anh T hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T là trầm trọng, không thể đoàn tụ. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 89 và Điều 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chị T được ly hôn với anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về con chung:* Chị N T T T và anh L C T có 01 con chung. Cả chị T và anh T đều có yêu cầu nuôi con.

Xét thấy: Cháu T từ nhỏ đã quen sống với gia đình chị T. Từ sau khi sống ly thân cho đến nay chị T nuôi dưỡng và chăm sóc cháu chu đáo, cháu được đi học đàng hoàng; cháu T đã gần 10 tuổi và có nguyện vọng sống với chị T. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 92 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Vì vậy, để không làm thay đổi cuộc sống cũng như sự phát triển tâm sinh lý của cháu; Hội đồng xét xử xét thấy nên để cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

Anh L C T có quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Anh T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị N T T T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T theo quy định tại Điều 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị N T T T không yêu cầu anh L C T cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị N T T T và anh L C T thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị N T T T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014145 ngày 26-3-2019 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự,

Nguyên đơn chị N T T T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30-8-2019)

Bị đơn anh L C T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 11, 89, 91, 92 và 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

[1] *Về hôn nhân*: Chị N T T T được ly hôn với anh L C T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 31/KH Quyền số 01/2008 ngày 14-5-2008 của Ủy ban nhân dân xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] *Về con chung*: Chị N T T T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên L N A T, sinh ngày 15-12-2009.

Anh L C T có quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Anh T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị N T T T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T theo quy định tại Điều 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3] *Về án phí*: Nguyên đơn chị N T T T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu số 0014145 ngày 26-3-2019 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[4] *Về quyền kháng cáo:*

Nguyên đơn chị N T T T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30-8-2019)

Bị đơn anh L C T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lý Đông Hoà